

ST T	NỘI DUNG	Tổng số giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó		Trung tâm GDNN-GDTX	
				Nguồn năm trước chuyển sang	Dự toán giao trong năm	Bổ sung dự toán năm 2025	Nguồn năm trước chuyển sang
				Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075
A	B						
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí		-				
1	Số thu phí, lệ phí		-		-		
1.1	Lệ phí						
1.2	Phí		-		-		
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại		-		-		
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN						
3.1	Lệ phí						
3.2	Phí						
II	Dự toán chi NSNN	52.524.000	52.524.000	22.064.000	30.460.000	12.862.000	7.210.000
1	Sự nghiệp Giáo dục	18.476.000	18.476.000	671.000	17.805.000	4.251.000	433.000
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	15.377.000	15.377.000	1.000	15.376.000	3.373.000	-
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	3.099.000	3.099.000	670.000	2.429.000	878.000	433.000
2	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	15.944.000	15.944.000	13.005.000	2.939.000	4.930.000	4.930.000
	Tiểu dự án 2- Dự án 5: Đào tạo tiếng dân tộc	382.000	382.000	-	382.000	-	
	Tiểu dự án 3 - Dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN	15.562.000	15.562.000	13.005.000	2.557.000	4.930.000	4.930.000
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	18.104.000	18.104.000	8.388.000	9.716.000	3.681.000	1.847.000
1.1	Tiểu dự án 1-Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	18.104.000	18.104.000	8.388.000	9.716.000	3.681.000	1.847.000

ST T	NỘI DUNG	Chi tiết theo đơn vị sử dụng					
		1	Trung tâm GDNN-GDTX 2			Trung tâm GDNN-GDT	
		Dự toán giao trong năm	Bổ sung dự toán năm 2025	Nguồn năm trước chuyển sang	Dự toán giao trong năm	Bổ sung dự toán năm 2025	Nguồn năm trước chuyển sang
		Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075
A	B	3	4	4	4	5	5
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí						
1	Số thu phí, lệ phí						
1.1	Lệ phí						
1.2	Phí						
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại						
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo						
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên						
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên						
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN						
3.1	Lệ phí						
3.2	Phí						
II	Dự toán chi NSNN	5.652.000	11.353.000	2.380.000	8.973.000	10.832.500	4.727.500
1	Sự nghiệp Giáo dục	3.818.000	6.524.000	-	6.524.000	3.438.500	235.500
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.373.000	5.497.000	-	5.497.000	2.513.500	500
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	445.000	1.027.000	-	1.027.000	925.000	235.000
2	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-	2.510.000	1.556.000	954.000	2.450.000	2.450.000
	Tiểu dự án 2- Dự án 5: Đào tạo tiếng dân tộc		382.000	-	382.000	-	
	Tiểu dự án 3 - Dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN		2.128.000	1.556.000	572.000	2.450.000	2.450.000
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	1.834.000	2.319.000	824.000	1.495.000	4.944.000	2.042.000
1.1	Tiểu dự án 1-Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	1.834.000	2.319.000	824.000	1.495.000	4.944.000	2.042.000

Đơn vị: 1000 đồng

ST T	NỘI DUNG					GHI CHÚ
		X 3	Trung tâm GDNN-GDTX 4			
		Dự toán giao trong năm	Bổ sung dự toán năm 2025	Nguồn năm trước chuyển sang	Dự toán giao trong năm	
		Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	Loại 070-khoản 075	
A	B	5	6	6	6	3
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí					
1	Số thu phí, lệ phí					
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí					
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại					
2.1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo					
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN					
3.1	Lệ phí					
3.2	Phí					
II	Dự toán chi NSNN	6.105.000	17.476.500	7.746.500	9.730.000	
1	Sự nghiệp Giáo dục	3.203.000	4.262.500	2.500	4.260.000	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	2.513.000	3.993.500	500	3.993.000	
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	690.000	269.000	2.000	267.000	
2	Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	-	6.054.000	4.069.000	1.985.000	
	Tiểu dự án 2- Dự án 5: Đào tạo tiếng dân tộc		-			
	Tiểu dự án 3 - Dự án 5: Dự án phát triển giáo dục nghề nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động vùng DTTS&MN		6.054.000	4.069.000	1.985.000	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	2.902.000	7.160.000	3.675.000	3.485.000	
1.1	Tiểu dự án 1-Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	2.902.000	7.160.000	3.675.000	3.485.000	